| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÀM THUẬN BẮC**<br>**TỈNH BÌNH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 75/2023/DS-ST
Ngày: 17/10/2023
*V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,**
**TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ung Thanh Quang

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1.Ông Đặng Văn Minh

2. Ông Trần Văn Em

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Gia Huy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2022/TLST-DS ngày 23/11/2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 45a/2023/QĐ-GHXX ngày 23/3/2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-DS ngày 24/5/2023; Thông báo hoãn phiên toà số 13/TB-HPT ngày 23/6/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2023/QĐST-DS ngày 26/7/2023; Thông báo hoãn phiên toà số 14/TB-HPT ngày 23/8/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 22/9/2023 giữa các đương S:

***Nguyên đơn**: Phạm Thị Kiều H – sinh năm 1970 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 5, phường Lạc Đạo, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

***Bị đơn***: Bà Lương Thị Minh P, sinh năm 1983 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn 3, xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Ông Vũ Văn S – sinh năm 1966 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 11, phường Phú T, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

***Người làm chứng***:

1/Võ Thị Bích H– sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố 1, phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

2/Nguyễn Thị T – sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố 5, phường Lạc Đạo, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện ngày 17/11/2022 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều H trình bày***: Về quan hệ gia đình thì bà đang ở một mình không có chồng, do mối quan hệ quen biết với nhau nên bà có cho bà Lương Thị Minh P vay tiền tổng cộng 2.400.000.000đ (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) cụ thể như sau: Vào tháng 10/2018 bà cho bà Lương Thị Minh P vay 1.300.000.000đ thời gian trả ngày 30/10/2021; khoảng tháng 5/2020, bà có cho bà P vay 700.000.000đ thời gian trả 30/10/2020; ngày 30/7/2020 bà cho bà P vay 400.000.000đ thời gian trả ngày 30/8/2020; do bà P không trả tiền như cam kết nên ngày 21/8/2020 bà (H) với bà Lương Thị Minh P viết giấy cam kết trả nợ tổng số tiền vay là 2.400.000.000đ nhưng bà P cũng không trả. Nay bà (H) yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lương Thị Minh P trả cho bà (H) số tiền là 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

***Bị đơn bà Lương Thị Minh P trình bày:*** Về quan hệ gia đình bà đang ở một mình không có chồng, theo lời trình bày của bà Phạm Thị Kiều H là sai, bà không có nợ của bà H là 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng), bà chỉ nợ bà H khoảng 300.000.000đ đến 400.000.000đ gì đó. Đối với giấy cam kết trả nợ ngày 21/8/2020 thì chữ ký trong giấy là của bà, chữ viết là của bà H viết, bà ký vô do lúc đó bị ép buộc nên tinh thần bà không được bình thường mà hoảng sợ. Nay theo yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà không đồng ý trả mà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền gốc đã vay là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S trình bày***: Ông là bạn của bà Phạm Thị Kiều H. Lúc 11 giờ 30 phút ngày 21/8/2020, ông đi làm về gặp P trong nhà bà H, ông có nói lớn tiếng là "*P tại sao hết người lừa sao mày (P) lừa cả tao*" rồi ông đi thay đồ chứ không có lớn tiếng đe dọa gì P, giữa bà H với bà P làm ăn với nhau cho vay tiền với nhau ông không tham gia. Số tiền 2.400.000.000đ (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) bà H khởi kiện bà P là tiền của bà H, ông không liên quan gì.

***Người làm chứng bà Võ Thị Bích Htrình bày***: Bà là bạn của bà Lương Thị Minh P, vào ngày 21/8/2020 bà H có gọi bà P đến nhà để bàn bạc chuyện gì đó, do bà P không dám đi một mình nên bà Hđi cùng. Khi đến nhà bà H thì bà Hđứng ngoài, thấy một người đàn ông tên S mặc đồ Công an ở trong nhà bà H nói lớn tiếng và đe dọa bà P xong rồi bà P khóc rồi về.

***Người làm chứng bà Nguyễn Thị T trình bày***: Bà là cháu của bà H ở cùng nhà bà H, ngày 21/8/2020 tại nhà bà H thì bà H và bà P chốt nợ kêu bà ký bên người làm chứng vô giấy cam kết trả nợ chứ bà không biết hai người làm ăn như thế nào. Lúc ký giấy cam kết trả nợ thì bà không thấy bà H ép buộc, đe dọa bà P.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kiều H, buộc bà Lương Thị Minh P phải trả cho bà Phạm Thị Kiều H tiền là 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng).

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương S tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các đương S

không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương S đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]**Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-DS ngày 24/5/2023 đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương S xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương S cho vay tiền từ năm 2018 đến năm 2020 chốt nợ và hai bên làm Bản cam kết trả nợ ngày 21/8/2020 có nội dung: *Bên A (bên cho vay) bà Phạm Thị Kiều H, sinh năm 1970 HKTT: Khu phố 5, phường Lạc Đạo, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; Bên B (bên vay) bà Lương Thị Minh P, sinh năm 1983, HKTT Hàm Liêm, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận* nên đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân S. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc nên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân S năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

**[2]**Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử phân tích như sau: Tại phiên tòa bà Phạm Thị Kiều H khai khi hai bên ký Giấy cam kết trả nợ ngày 21/8/2020 thì bà H đã trả lại các giấy vay tiền những lần trước đó cho bà P rồi, chốt nợ là 2.400.000.000đ. Căn cứ giấy cam kết trả nợ do hai bên thỏa thuận lập vào ngày 21/8/2020 có nội dung:" *Bên A (bên cho vay) bà Phạm Thị Kiều H, sinh năm 1970 HKTT: Khu phố 5, phường Lạc Đạo, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; Bên B (bên vay) bà Lương Thị Minh P, sinh năm 1983, HKTT Hàm Liêm, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận. Nội dung cam kết như sau: Tổng số tiền chị P vay của chị H là 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng): gói 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) vay ngày 30/7/2020 sẽ cam kết trả lại ngày 30/8/2020; gói 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) chốt trả xong 30/10/2020; còn 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng) chốt trả xong 30/10/2021. Bà P cam kết trả nợ cho bà H đúng như cam kết nếu làm sai sẽ chịu hoàn toàn trước pháp luật, văn bản thỏa thuận này kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 21/8/2020 hai bên đã đọc và đồng ý cam kết ký tên"*. Xét giấy cam kết trả nợ này thì đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn, không lãi suất, giữa các bên đã có S đối chiếu thống nhất về số tiền nợ và bị đơn đã ký tên và hứa trả nợ cho nguyên đơn nhưng bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của mình. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ 2.400.000.000đ (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3]** Bị đơn bà Lương Thị Minh P cho rằng bà chỉ nợ tiền của bà Phạm Thị Kiều H 400.000.000đ chứ không phải 2.400.000.000đ thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giấy cam kết trả nợ ngày 21/8/2020 đều ghi số tiền nợ phải trả cụ thể 2.400.000.000đ và bà P xác nhận đã ký vào đó, nhận thấy bà P có đầy đủ năng lực hành vi dân S, có đủ suy nghĩ để biết nội dung mình ký và hậu quả như thế nào nên bà P phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H theo giấy cam kết trả nợ đó. Ngoài ra, bà P cho rằng tiền vay của bà H là tiền lãi

chồng lãi và khi ký giấy cam kết trả nợ bị ép buộc nhưng bà P không có chứng cứ gì chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

**[4]**Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân S; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kiều H được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bà H không phải chịu án phí dân S sơ thẩm, hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.000.000đ.

Bà Lương Thị Minh P buộc phải trả tiền nợ 2.400.000.000đ cho bà H nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 80.000.000đ.

Ông Vũ Văn S không phải chịu án phí dân S sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.Căn cứ:** Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân S; Điều 463, Điều 466, và Điều 357 Bộ luật dân S năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân S.

**2.Tuyên xử**: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kiều H, buộc bà Lương Thị Minh P phải trả cho bà Phạm Thị Kiều H số tiền nợ **2.400.000.000 đồng** (hai tỷ bốn trăm triệu đồng).

"Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân S năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

**3.Về án phí, lệ phí:** Căn cứ các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân S; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân S.

Bà Phạm Thị Kiều H không phải chịu án phí dân S sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Kiều H số tiền tạm ứng án phí dân S sơ thẩm đã nộp là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011230 ngày 23/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân S huyện Hàm Thuận Bắc.

Bà Lương Thị Minh P phải chịu án phí dân S sơ thẩm là 80.000.000đ (tám mười triệu đồng).

Ông Vũ Văn S không phải chịu án phí dân S sơ thẩm.

**4.Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều H, bị đơn bà Lương Thị Minh P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn S có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/10/2023).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân S; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân S.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương S;
-Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ung Thanh Quang**